



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 10/12/2013

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	511.6	66.1
% Thay đổi	↑ 0.1%	↑ 0.0%
KLGD (CP)	80,981,720	39,945,463
GTGD (tỷ đồng)	1,039.09	272.64
Tổng cung (CP)	182,499,610	78,770,300
Tổng cầu (CP)	165,816,000	74,380,600

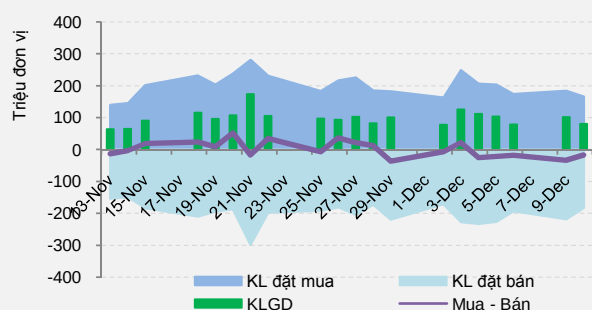
Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,344,270	218,447
KL mua (CP)	2,861,050	573,800
GTmua (tỷ đồng)	76.76	8.05
GT bán (tỷ đồng)	81.49	1.37
GT ròng (tỷ đồng)	(4.73)	6.69

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

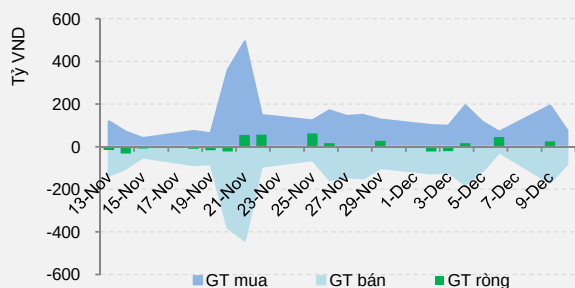
Nhận định: Cổ phiếu MSN tăng chậm hơn sau phiên tăng nóng giúp chỉ số VN-Index phản ánh sát hơn với thực tế cung cầu. VN-Index tiếp tục diễn biến giằng co tại ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Điểm tích cực là lực cầu bắt đáy tại nhóm cổ phiếu đã có thời gian điều chỉnh tích lũy, cổ phiếu kỳ vọng KQKD Q4 khả quan trong phiên hôm nay khá chủ động. Tâm lý thận trọng trước động thái tái cơ cấu của quỹ ETF vẫn còn, nhưng không phổ biến như phiên giao dịch trước đó.

Chỉ số HNX-Index tiếp tục diễn biến điều chỉnh trước ngưỡng cản kỹ thuật 66 điểm. Đa số thời gian thị trường giao dịch với mức điểm giảm với thanh khoản thấp. Mức tăng điểm nhẹ cuối phiên được hỗ trợ không nhỏ từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng và cổ phiếu VCG.

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.81%	7.2	1.6	2.9%
Công nghiệp	↓ -0.29%	242.3	1.1	25.8%
Dầu khí	↓ -0.71%	7.6	1.4	2.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.05%	14.0	1.9	2.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.04%	8.8	2.9	1.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.48%	12.6	5.2	10.8%
Ngân hàng	↓ -0.47%	10.9	1.3	2.2%
Nguyên vật liệu	↓ -0.06%	10.2	2.0	11.0%
Tài chính	→ 0.00%	15.9	2.5	33.9%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.61%	8.9	3.2	7.2%
VN - Index	↑ 0.07%	12.9	3.0	79.2%
HNX - Index	↑ 0.03%	17.0	1.6	20.8%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	543,690	0.7%	1,549,300	1.9%
GTGD (tỷ VND)	16,469	1.6%	40,572	3.9%

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh tại ngưỡng cản kỹ thuật. Mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh đối với thị trường ở thời điểm hiện tại là khoảng 503-505 điểm đối với VN-Index, 63-64 điểm đối với HNX-Index. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm của thị trường sau thời gian điều chỉnh. Dòng tiền sau thời gian thị trường tăng điểm từ nửa cuối tháng 9, dự báo sẽ có xu hướng thận trọng hơn, quan tâm đến KQKD của doanh nghiệp. Tâm lý đầu tư ngược ETF, chờ mua cổ phiếu tốt tại mức giá hấp dẫn, thuộc diện quỹ ETF bán ra dự kiến cũng vẫn duy trì.

- VN-Index tăng 0.37 điểm (0.07%), lên 511.60 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 510.24 điểm.

- HNX-Index tăng 0.02 điểm (0.03%), lên 66.14 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 65.77 điểm.

- Chính phủ vừa ban hành Nghị định 188 về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/1/2014. Theo đó, điểm mới là dự án phát triển nhà ở xã hội được sử dụng nhà ở và công trình xây dựng hình thành trong tương lai trong phạm vi dự án phát triển nhà ở xã hội làm tài sản thế chấp khi vay vốn đầu tư cho dự án. Việc Nghị định 188 được ban hành tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn ngân hàng. Tuy nhiên, để dễ dàng tiếp cận được với gói tín dụng hỗ trợ nhà ở, các doanh nghiệp phải có quỹ đất sạch và tiến độ dự án đảm bảo.

- Doanh nghiệp xuất khẩu có nhu cầu vay ngoại tệ để sản xuất kinh doanh tiếp tục được vay trong năm 2014 với các điều kiện tiếp tục được nới nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, theo thông tư mới được NHNN ban hành. Theo đó, doanh nghiệp được vay ngắn hạn bằng ngoại tệ để đáp ứng các nhu cầu vốn ở trong nước, nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, trong trường hợp doanh nghiệp vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu xuất khẩu để trả nợ vay.

- Đây là lần thứ hai, NHNN tạm hoãn việc hạn chế cho vay ngoại tệ để chuyển thành tiền đồng đối với doanh nghiệp xuất khẩu có nguồn thu bằng ngoại tệ quy định tại Thông tư số 03 có hiệu lực từ 2/5/2012. Theo thông tư này, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được cho khách hàng vay vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng ngoại tệ để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ khi khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất - kinh doanh để trả nợ vay.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 0.37 điểm (0.07%), lên 511.60 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 510.24 điểm.

- KLGD giảm 21% so với phiên trước, xuống 78 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 65 điểm, tâm lý thị trường vẫn khá tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách tiếp tục thu hẹp.

Nhận định: Cổ phiếu MSN tăng chậm hơn sau phiên tăng nóng giúp chỉ số VN-Index phản ánh sát hơn với thực tế cung cầu. VN-Index tiếp tục diễn biến giằng co tại ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Điểm tích cực là lực cầu bắt đáy tại nhóm cổ phiếu đã có thời gian điều chỉnh tích lũy, cổ phiếu kỳ vọng KQKD Q4 khả quan trong phiên hôm nay khá chủ động. Tâm lý thận trọng trước động thái tái cơ cấu của quỹ ETF vẫn còn, nhưng không phổ biến như phiên giao dịch trước đó.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh tại ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh đối với thị trường ở thời điểm hiện tại là khoảng 503-505 điểm. Dòng tiền sau thời gian thị trường tăng điểm từ nửa cuối tháng 9, dự báo sẽ có xu hướng thận trọng hơn, quan tâm đến KQKD của doanh nghiệp. Tâm lý đầu tư ngược ETF, chờ mua cổ phiếu tốt tại mức giá hấp dẫn, thuộc diện quỹ ETF bán ra dự kiến cũng vẫn duy trì.

Chúng tôi bảo lưu quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Mốc 513 điểm dự báo vẫn là ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.02 điểm (0.03%), lên 66.14 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 65.77 điểm.

- KLGD giảm 2% so với phiên trước, xuống 38 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 duy trì ở mức 80 điểm, vẫn ở mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách tiếp tục thu hẹp dần.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục diễn biến điều chỉnh trước ngưỡng cản kỹ thuật 66 điểm. Đa số thời gian thị trường giao dịch giảm điểm với thanh khoản thấp. Mức tăng điểm nhẹ cuối phiên được hỗ trợ không nhỏ từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng và cổ phiếu VCG.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh tại ngưỡng cản kỹ thuật 66 điểm. Mốc hỗ trợ kỹ thuật đối với thị trường ở thời điểm hiện tại là khoảng 63-64 điểm. Mốc 66 điểm dự báo vẫn là ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy.



TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	142.5%	132.5%	2.2%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	440.6%	79.4%	13.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	78.5%	102.3%	29.4%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	44.4%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	11.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	120.6%	102.4%	39.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	108.8%	129.7%	23.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	171.8%	129.1%	45.0%

TỔNG HỢP KQKD Q3/2013 VÀ 9T/2013 CỦA CÁC NGÂN HÀNG

STT	Mã	Sàn	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN KH 2013	LN 9T so KH2013	EPS	BVPS	Vốn điều lệ (tỷ)	Tỷ lệ SHNN
1	VCB	HOSE	1,039.89	-6.0%	3,016.04	-10.1%	4,350.0	69.3%	1,757	17,914	23,174	19.83%
2	CTG	HOSE	2,186.73	-19.3%	5,296.12	10.0%	6,450.0	82.1%	2,287	13,458	32,661	28.70%
3	EIB	HOSE	298.28	-28.0%	879.58	-51.8%	2,400.0	36.6%	965	11,969	12,355	27.14%
4	ACB	HNX	400.82	177.0%	1,117.58	2.8%	1,350.0	82.8%	1,027	13,902	9,377	30.00%
5	NVB	HNX	2.46	-62.6%	12.98	-86.8%	90.0	14.4%	(278)	10,746	3,010	0.02%
6	STB	HOSE	508.72	23.7%	1,657.87	4.6%	2,100.0	78.9%	703	14,382	10,740	4.86%
7	MBB	HOSE	529.89	-18.3%	1,873.07	-8.4%	2,642.3	70.9%	2,043	13,894	10,625	10.00%
8	SHB	HNX	236.12	113.8%	537.82	142.7%	859.5	62.6%	1,884	11,330	8,866	17.07%

CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI KÍN ROOM

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
2	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
3	BMP	HOSE	523.37	111.6%	87.06	96.8%	1552.16	112.9%	282.92	108.8%	89.8%	49.0%
4	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	86.7%	76.0%	49.0%
5	JVC	HOSE	106.76	46.3%	10.39	17.0%	347.88	103.8%	23.92	36.1%	11.9%	49.0%
6	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17207.3%	104.8%	49.0%
7	VSC	HOSE	213.22	108.5%	59.34	114.5%	576.71	99.7%	160.92	96.8%	100.3%	49.0%
8	PHS	HNX	10.63	118.1%	-8.13	48.8%	37.67	84.0%	-14.13	21.3%	0.0%	49.0%
9	VCS	HNX	462.39	180.8%	12.9	105.7%	1001.59	138.4%	48.57	138.7%	96.5%	49.0%
10	NVT	HOSE	53.31	114.3%	11.73	701.5%	163.86	99.2%	20.97	-157.0%	110.4%	48.0%

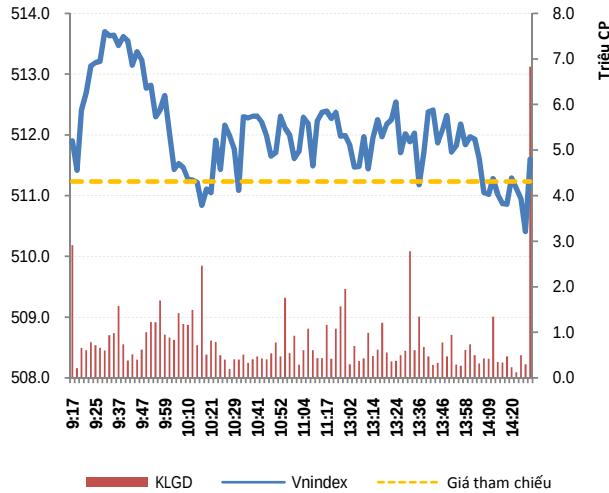
Ghi chú: Chỉ liệt những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 26/11/2013

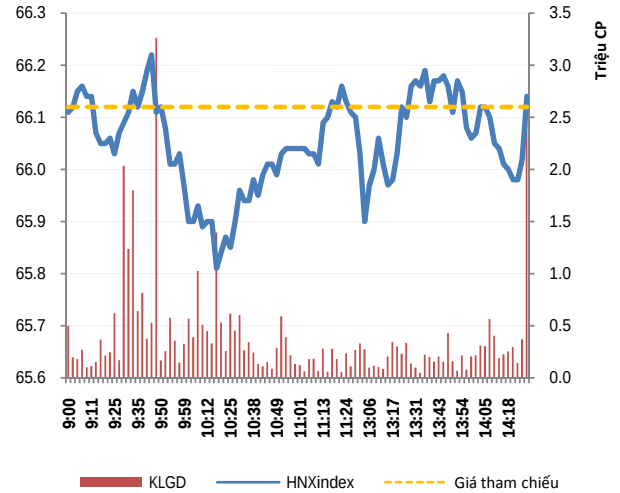
EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất



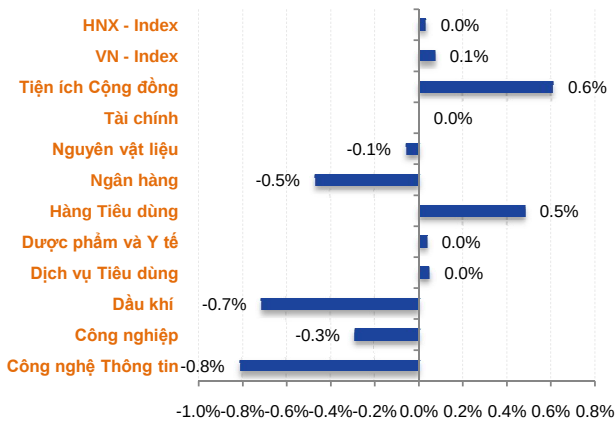
KLGD và VN-Index trong phiên



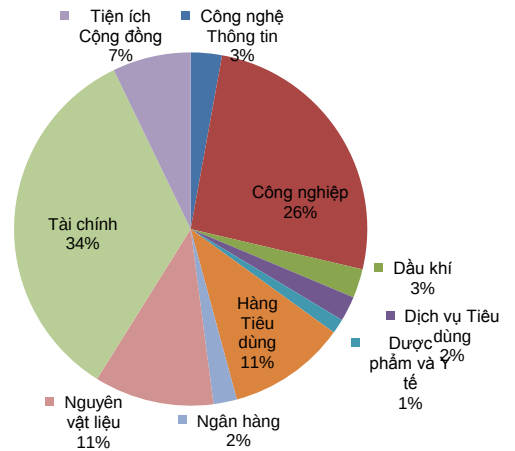
KLGD và HNX-Index trong phiên



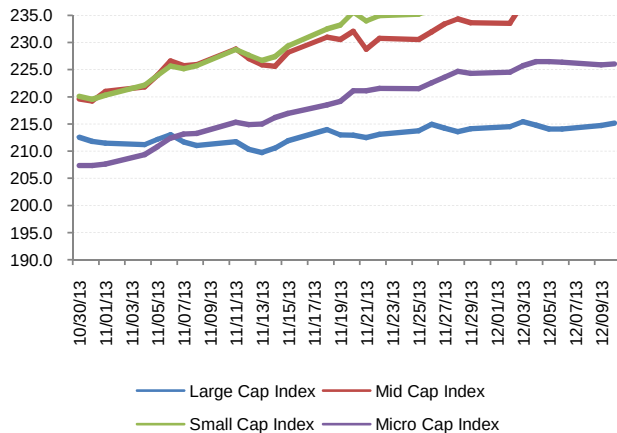
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



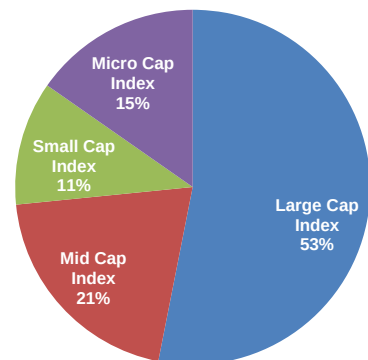
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VSH	553,050	HAG	438,640
2	PVD	152,690	VIC	200,170
3	GMD	146,500	MSN	137,120
4	VPH	132,150	CII	131,120
5	BIC	124,960	DRC	107,710

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	265,000	VIG	60,000
2	SDH	65,200	SHN	25,000
3	OCH	30,000	BVS	20,500
4	PSG	20,000	AMV	16,100
5	DAD	15,000	IVS	15,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	8.1	8.6	↑ 6.17%	11,339,720
ITA	6.6	6.6	→ 0.00%	4,080,240
KSA	11.0	11.2	↑ 1.82%	3,203,050
VHG	8.5	8.0	↓ -5.88%	3,182,360
HQC	6.9	7.0	↑ 1.45%	2,892,370

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHN	1.4	1.5	↑ 6.86%	7,125,042
PVL	3.1	3.4	↑ 8.16%	2,288,500
VCG	10.4	10.6	↑ 1.55%	2,195,750
PVX	2.5	2.4	↓ -3.48%	2,101,277
KLS	9.1	9.0	↓ -0.73%	1,859,550

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TIC	10.1	10.8	0.7	↑ 6.93%
KAC	7.3	7.8	0.5	↑ 6.85%
SC5	20.5	21.9	1.4	↑ 6.83%
GTA	8.8	9.4	0.6	↑ 6.82%
GSP	10.8	11.5	0.7	↑ 6.48%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFN	13.0	14.3	1.3	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
VIE	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
TH1	30.7	33.7	3.0	↑ 9.77%
HBE	4.1	4.5	0.4	↑ 9.76%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.3	1.2	-0.1	↓ -7.69%
HVX	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
NVN	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
VNH	7.3	6.8	-0.5	↓ -6.85%
VTB	11.8	11.0	-0.8	↓ -6.78%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAT	32.0	28.8	-3.2	↓ -10.00%
TET	14.0	12.6	-1.4	↓ -10.00%
HTB	29.1	26.2	-2.9	↓ -9.97%
VTC	3.2	2.9	-0.3	↓ -9.38%
VHL	27.0	24.6	-2.4	↓ -8.89%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	11,339,720	6.3%	990	8.7	0.5
ITA	4,080,240	0.2%	26	256.1	0.6
KSA	3,203,050	6.0%	766	14.6	0.8
VHG	3,182,360	15.8%	1,635	4.9	0.5
HQC	2,892,370	4.2%	452	15.5	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	7,125,042	-135.7%	(2,464)	-	1.8
PVL	2,288,500	-4.9%	(526)	-	0.3
VCG	2,195,750	3.4%	403	26.3	0.9
PVX	2,101,277	-92.1%	(5,013)	-	0.6
KLS	1,859,550	6.4%	810	11.1	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TIC	↑ 6.9%	5.5%	556	19.4	1.1
KAC	↑ 6.8%	0.2%	23	335.8	0.6
SC5	↑ 6.8%	16.7%	3,972	5.5	1.0
GTA	↑ 6.8%	6.6%	1,052	8.9	0.6
GSP	↑ 6.5%	12.7%	1,531	7.5	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SFN	↑ 10.0%	15.4%	2,460	5.8	0.9
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
VIE	↑ 10.0%	-27.9%	(2,632)	-	0.4
TH1	↑ 9.8%	1.8%	453	74.4	1.3
HBE	↑ 9.8%	-1.0%	(103)	-	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VSH	553,050	7.7%	963	15.1	1.1
PVD	152,690	20.2%	6,608	9.4	1.6
GMD	146,500	4.3%	1,729	19.8	0.9
VPH	132,150	4.3%	626	16.3	0.7
BIC	124,960	11.9%	1,377	9.3	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	265,000	17.3%	2,872	6.5	1.1
SDH	65,200	-8.1%	(611)	-	0.7
OCH	30,000	5.9%	687	37.0	2.4
PSG	20,000	523.5%	(5,116)	-	(0.5)
DAD	15,000	27.5%	3,639	4.5	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	123,175	40.9%	6,696	9.7	3.7
VNM	116,686	40.5%	8,053	17.4	6.9
VIC	64,974	47.1%	6,710	10.7	4.0
VCB	64,424	9.8%	1,757	15.8	1.6
MSN	64,305	2.7%	556	157.3	4.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	7.5%	1,027	15.2	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	8,353	17.3%	2,872	6.5	1.1
SHB	6,203	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	5,080	5.9%	687	37.0	2.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	3.18	12.5%	1,402	6.9	0.8
PXM	2.49	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
DRH	2.13	-5.1%	(504)	-	0.2
BVH	2.13	9.0%	1,618	24.8	2.3
KBC	2.07	-8.6%	(1,156)	-	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	8.30	-135.7%	(2,464)	-	1.8
TTZ	7.36	-0.2%	(21)	-	0.4
PXA	4.68	-101.5%	(5,461)	-	0.5
CVN	4.50	-43.4%	(4,323)	-	0.4
NVC	4.41	442.9%	(8,371)	-	(0.2)



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)